TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nước
Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Tha Q, sinh năm 1973; (có mặt)
Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Ánh T, sinh năm 1986; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Đặng Thanh T1, sinh năm 1986; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Z, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Thạch Thị Tha Q trình bày: Trước đây bà có nhiều lần cho vợ chồng chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 vay tiền, sau khi vay thì chị T và anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên vào ngày 03/02/2021 bà có yêu cầu chị T chốt lại số tiền đã vay và viết biên nhận nợ với tổng số tiền là

395.000.000 đồng, trong biên nhận chị T có hứa là 02 tháng sau sẽ trả đủ số nợ, tuy nhiên sau đó chị T vẫn không thực hiện cam kết. Do đó bà Q khởi kiện yêu cầu chị T và anh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà với số nợ gốc là 395.000.000 đồng và tiền lãi, với lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 03/02/2021 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn Lê Thị Ánh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến, lời khai trong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2021 người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Thanh T1 trình bày trước đây anh và chị Lê Thị Ánh T khi còn là vợ chồng thì chị T có nhiều lần vay tiền của bà Thạch Thị Tha Q, anh cũng có vài lần đi nhận tiền, cộng lại thì ra số tiền 395.000.000 đồng như bà Q yêu cầu. Nay anh và chị T đã ly hôn, anh cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Q, đồng ý trả ½ số nợ cho bà Q.

Tại phiên tòa bà Thạch Thị Tha Q xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu trả tiền lãi nữa, đồng thời xin thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu chị T và anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới sang yêu cầu mỗi người phải trả ½ số nợ gốc là 395.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị T và anh T1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Q ½ số nợ. Do nguyên đơn có rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút. Về án phí, buộc chị T và anh T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phát sinh từ giao dịch cho vay tiền thể hiện tại biên nhận ngày 03/02/2021 (bút lục 02) và cũng được anh Đặng Thanh T1 thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tiền", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 03/02/2021 đến khi giải quyết xong vụ án, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 trả số nợ gốc là 395.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Chứng cứ mà bà Thạch Thị Tha Q cung cấp là tờ biên nhận bản gốc, lập ngày 03/02/2021 (bút lục 02) thể hiện nội dung: "*Tôi tên Lê Thị Ánh T, 30/6/1986. Số CMND 334184377, địa chỉ G, L, D có mượn thiếm Q 395.000.000 (ba trăm chín mươi lăm triệu đồng), trong vòng 2 tháng trả đủ".*

[4.2] Trước khi khởi kiện, bà Q có yêu cầu Trung tâm Y tế huyện D làm việc với chị T liên quan đến khoản nợ, tại biên bản làm việc ngày 04/5/2021 giữa Trung tâm Y tế huyện D với bà Thạch Thị Tha Q và chị Lê Thị Ánh T (bút lục 31) có nội dung thể hiện ý kiến của chị T như sau: "…*Về phần tiền của bà Thạch Thị Tha Q đã thỏa thuận sau 03 tháng sẽ trả nhưng chưa đến thời gian thỏa thuận mà bà Q đã đưa đơn thưa đến cơ quan*…" và "*Cam kết kí vào ngày 17/4/2021, hứa 03 tháng sẽ trả hết tiền cho bà Q. Tiền gốc vay là một trăm ba mươi triệu, lãi 4%/1 tháng, hàng tháng trả năm triệu hai trăm nghìn đồng tiền lãi. Hiện tại tiền gốc và lãi là ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*".

[4.3] Ý kiến của anh Đặng Thanh T1 tại bản tự khai ngày 22/12/2021 (bút lục 23) thể hiện "*Trước đây tôi và cô Lê Thị Ánh T có thường xuyên mượn tiền thiếm Thạch Thị Tha Q…tiền mượn được chia làm nhiều lần, trong đó có 1, 2 lần tôi lấy giùm về cho Ánh T*…".

[4.4] Tại biên bản hòa giải ngày 29/4/2022 (bút lục 35) anh Đặng Thanh T1 trình bày: "*Trước đây khi tôi và Lê Thị Ánh T còn là vợ chồng thì Ánh T có nhiều lần vay tiền của bà Thạch Thị Tha Q, tôi cũng có vài lần đi nhận tiền, cộng lại thì ra số tiền 395.000.000 đồng như cô Tha Q yêu cầu. Nay tôi và cô T đã ly hôn, tôi cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của cô Tha Q, tôi đồng ý trả ½ số nợ cho bà Tha Q*".

[5] Như vậy, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã nêu ở mục [4.1], [4.2], [4.3], [4.4] và quyết định số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D (công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1). Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định trước khi ly hôn thì chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 có vay tiền của bà Thạch Thị Tha Q. Mặc dù tại biên bản làm việc ngày 04/5/2021 có sự khác biệt về tiền gốc, lãi và thời gian cam kết trả nợ. Tuy nhiên dựa vào biên nhận ngày 03/02/2021 do bà Q cung cấp, thể hiện chị Lê Thị Ánh T có mượn bà Q 395.000.000 đồng và tổng số tiền nợ thể hiện tại biên bản ngày 04/5/2021 cũng là 395.000.000 đồng. Mặc khác, Tòa án đã tống đạt các thông báo, triệu tập chị T nhiều lần nhưng vẫn không có mặt, không đưa ra ý kiến phản hồi đối với những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Như vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh thì trong vụ án này anh

Đặng Thanh T1 đã thừa nhận nghĩa vụ, chị Lê Thị Ánh T không có ý kiến phản đối.

[6] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 còn nợ bà Thạch Thị Tha Q số tiền gốc là 395.000.000 đồng và phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[7] Đối với việc bà Q thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu chị T và anh T1 thực hiện nghĩa vụ liên đới theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự sang yêu cầu mỗi người phải trả ½ số nợ, đây là thực hiện nghĩa vụ riêng rẽ theo quy định tại Điều 287 Bộ luật dân sự. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn và phải chịu trách nhiệm liên đới. Tuy nhiên việc bà Q thay đổi yêu cầu là tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, đồng thời đối tượng của nghĩa vụ (tiền) có thể chia theo phần theo quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 mỗi người phải trả cho bà Q số tiền 197.500.000 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Thạch Thị Tha Q không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 197.500.000 đồng tương ứng với 9.875.000 đồng.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 227 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 287, 290 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27 và 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Tha Q, buộc chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 mỗi người phải trả cho bà Thạch Thị Tha Q số tiền 197.500.000 đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 03/02/2021 đến khi giải quyết xong vụ án. Nguyên đơn có Quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 mỗi người phải chịu 9.875.000 đồng án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà Thạch Thị Tha Q số tiền tạm ứng án phí 9.875.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải theo biên lai thu tiền số 0008112 ngày 02/12/2021.

4. Bà Thạch Thị Tha Q có Quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lê Thị Ánh T và anh Đặng Thanh T1 có Quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tài